

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 26 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						337 498	64 811	272 687			
I		CẢNG CHÍNH						52 479	7 783	44 696			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						12 680	7 783	4 897			
1		ĐT TMDV VINACOMIN	17/06	952/06	30/06	BN 1758	CỤC XỎ 1C	1 030	562	468	DỠ		
2		ĐẠM NINH BÌNH	25/06	1031/06		NB 8218	CÁM 4A.1	3 100	3 079	21	26/06		
3		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06	30/06	NB 6339	CÁN 4A.1	4 000	3 948	52	26/06		
4		THAN MIỀN NAM	26/06	1035/06		VIỆT THUẬN 05-03	CÁM 5A.1	4 550	195	4 355	DỠ		
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						39 799		39 799			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CỎ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cám 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CỎ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
7		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
8		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
9		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUYC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
10		CROMIT CỎ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XỎ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
11		KDT CẦU ĐUÔNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
12		ĐT TMDV VINACOMIN	18/06	953/05	30/06	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
13		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
14		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
15		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
16		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020			
17		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỎ 1C	1 550		1 550		TD	
18		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
19		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
20		XD CN MỎ		991/06		BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
21		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
22		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
23		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	
24		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 26 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu chuyển tải						210 750	43 232	167 518			
		Tàu đang làm hàng						109 900	43 232	66 668			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	22 390	410	ĐỔ		
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500	9 444	11 056	ĐỔ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
3		ĐIỆN VINH TÂN 21	23/06	1021/06		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.10	23 000	1 300	21 700			
4		ĐIỆN VINH TÂN 1				SUN GOLD	CÁM 6A.1	43 600	10 098	33 502	ĐỔ		MỎN: 10.098,16
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						100 850		100 850			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500
2		ĐIỆN VINH TÂN 2	19/06	1013/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	29 600		29 600			TTCO: 18.600- CLM:5.000 - KDT CP:6.000
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	25/06	1027/06		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750			
4		ĐIỆN VINH TÂN 1	25/06	1032/06		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000		23 000			
II		KHO G9-HÓA CHẤT						44 730	6 777	37 953			
		Tàu đã làm hàng						8 109	6 777	1 332			
1		SÔNG HỒNG	25/6	1 076	30/6	BN - 2228	CÁM 8A	950	945	5	26/6	TD	
2		CẦU ĐUÔNG	25/6	1 091	30/6	BN - 2186	CÁM 8A	1 348	1 321	27	26/6	TD	
3		CP ĐTTM&DV	24/6	1 037	30/6	BN - 1818	CÁM 8A	1 982	1 959	23	26/6	TD	
4		MIỀN BẮC	25/6	1 075	30/6	NB - 6039	CÁM 7B	1 729	1 715	14	26/6	PT CB	
5		CP DVVT QNINH	26/6	1 116	30/6	HD - 6996	CÁM 8A	2 100	837	1 263	đơ	TD	
		Tàu đã làm lệnh						36 621		36 621			
1		CẦU ĐUÔNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
3		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CÁM 8A	1 650		1 650		TD	
4		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
5		CẦU ĐUÔNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
6		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CÁM 7B	1 963		1 963		PT CB	
7		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	04/6	197	17/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660		1 660		TD	
8		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
9		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
10		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CÁM 7B	1 400		1 400		PT CB	
11		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
12		CẦU ĐUÔNG	05/6	244	19/6	BN - 0739	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
13		CẦU ĐUÔNG	06/6	292	20/6	BN - 0737	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
14		CP DVVT QNINH	08/6	385	23/6	BN - 2016	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 26 HÁNG 06 NĂM 2025

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
15	CP VT&KD THAN	10/6	473	25/6	BN - 0679	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
16	HÀ NAM NINH	12/6	567	27/6	BN - 2225	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
17	CP ĐTTM&DV	14/6	687B	29/6	BN - 2519	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
18	CP VT THUỶ	15/6	699	30/6	BN - 1865	CUC 1A	1 234		1 234		TD	
19	XD CN MỎ	15/6	705	30/6	BN - 2395	CUC 1B	1 300		1 300		TD	
20	SÔNG HỒNG	16/6	741	30/6	BN - 1746	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
21	CP HÀNG HẢI VN	18/6	823	30/6	HD - 5289	CÁM 8A	1 989		1 989		TD	
22	COALIMEX	20/6	879	30/6	BN - 1459	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
23	THANH HOÁ	20/6	880	30/6	BN - 1758	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
24	CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÁNH 168	CUC 1B	900		900		TD	
25	CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÁNH 168	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
26	HẢI PHÒNG	21/6	937	30/6	HP - 5902	CÁM 7B	1 645		1 645		PT CB	
27	SÔNG HỒNG	21/6	970	30/6	BN - 0766	CUC 1A	1 030		1 030		TD	
28	CP ĐTTM&DV	23/6	974	30/6	QN - 8785	CÁM 8A	2 100		2 100		TD	
29	CP DVVT QNINH	23/6	1 005	30/6	BN - 2397	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
30	CP ĐTTM&DV	25/6	1435/5	30/6	BN - 1959	CUC 1B	1 200		1 200		TD	
III	KHO BẢO NGUYÊN						1 070	-	1 070			
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu đã làm lệnh						1 070		1 070			
1	CP DVVT QUẬN NINH	24/06	1536-B	30/06	BN 2225	CÁM 8C	1 070		1 070			GIA HẠN L1
IV	KHO CẢNG KM6						10 469	7 019	3 450			
	Tàu đã làm hàng						7 049	7 019	30			
1	VTT VINACOMIN	23/6	1 004	30/6	BN 2646	Don 8a	869	860	9	26/6	TD	
2	VTT VINACOMIN	24/6	1 046	30/6	BN 2365	Bùn 3c	930	923	7	26/6	TD	
	KDT NINH BÌNH	25/6	1 088	30/6	QN 8322	Cám 5b.1	1 650	1 647	3	26/6	CBPT	
3	ĐIỀN VĨNH TÂN (SUN GOLD)	25/6	28	05/7	CỬA ÔNG 15	Cám 6a.1	2 100	2 094	6	26/6		
4	KHO VẬN ĐÁ BẠC	26/6	1 128	30/6	CỬA ÔNG 10	Cám 5a.1	1 500	1 494	6	26/6	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh						3 420		3 420			
1	ĐIỀN VĨNH TÂN (SUN GOLD)	26/6	32	06/7	SON HẢI 08	Cám 6a.1	3 420		3 420			
V	TÀU XUẤT KHẨU						3 000	-	3 000			
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu đã làm lệnh						3 000		3 000			
1	Hàn Quốc	19/6	21/6		KIMBERLY 1	Cục 4a.3	3 000		3 000			KVDB:3.000

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 HÁNG 06 NĂM 2025

[illegible]

|

|

